Mục lục

Chương 1. Lập trình hướng đối tượng, phương pháp giải quyết bài to	án mới			
1.Phương pháp lập trình	1			
2.Bài toán quan hệ gia đình	2			
3.Lập trình hướng đối tượng6				
3.1Một số khái niệm	7			
3.2Các ưu điểm của LTHĐT	8			
3.3Những ứng dụng của LTHĐT	9			
4.Các ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng	9			
5.Ngôn ngữ lập trình C++	10			
Chương 2. Các mở rộng của C++ so với C				
1. Các điểm không tương thích giữa C++ và ANSI C	13			
1.1 Định nghĩa hàm	13			
1.2 Khai báo hàm nguyên mẫu	13			
1.3 Sự tương thích giữa con trỏ <i>void</i> và các con trỏ khác	14			
2. Các khả năng vào/ra mới của C++	15			
2.1 Ghi dữ liệu lên thiết bị ra chuẩn (màn hình) <i>cout</i>	15			
2.2 Các khả năng viết ra trên <i>cout</i>	16			
2.3 Đọc dữ liệu từ thiết bị vào chuẩn (bàn phím) cin	18			
3. Những tiện ích cho người lập trình	19			
3.1 Chú thích cuối dòng	19			
3.2 Khai báo mọi nơi	20			
3.3 Toán tử phạm vi "∴"	20			
4. Hàm inline	21			
5. Tham chiếu	23			
5.1 Tham chiếu tới một biến	23			
5.2 Truyền tham số cho hàm bằng tham chiếu				
5.3 Giá trị trả về của hàm là tham chiếu	28			
6. Định nghĩa chồng hàm (Overloading functions)				
Trường hợp các hàm có một tham số	Trường hợp các hàm có một tham số			

	Turtitus hate and a hadre and which the arm and	22
-	Trường hợp các hàm có nhiều tham số	
7.	Tham số ngầm định trong lời gọi hàm	
8.	Bổ sung thêm các toán tử quản lý bộ nhớ động: new và delete	
	3.1 Toán tử cấp phát bộ nhớ động new	
	3.2 Toán tử giải phóng vùng nhớ động <i>delete</i>	
9.	Tóm tắt	
9	9.1 Ghi nhớ	
9	9.2 Các lỗi thường gặp	39
9	9.3 Một số thói quen lập trình tốt	
10.	Bài tập	39
Chu	ương 3. Đối tượng và lớp	
1.	Đối tượng	40
2.	Lớp	42
2	2.1 Khai báo lớp	42
	2.1.1Tạo đối tượng	44
	2.1.2Các thành phần dữ liệu	45
	2.1.3Các hàm thành phần	45
	2.1.4Tham số ngầm định trong lời gọi hàm thành phần	49
	2.1.5Phạm vi lớp	50
	2.1.6Từ khoá xác định thuộc tính truy xuất	50
	2.1.7Gọi một hàm thành phần trong một hàm thành phần khác	54
2	2.2 Khả năng của các hàm thành phần	54
	2.2.1Định nghĩa chồng các hàm thành phần	54
	2.2.2Các tham số với giá trị ngầm định	56
	2.2.3Sử dụng đối tượng như tham số của hàm thành phần	57
	2.2.4Con trỏ this	59
3.	Phép gán các đối tượng	59
4.	Hàm thiết lập (constructor) và hàm huỷ bỏ (destructor)	
4	l.1 Hàm thiết lập	
	4.1.1Chức năng của hàm thiết lập	
	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	

	4	.1.2Một số đặc điểm quan trọng của hàm thiết lập	62
	4	.1.3Hàm thiết lập ngầm định	63
	4	.1.4Con trỏ đối tượng	67
	4	.1.5Khai báo tham chiếu đối tượng	69
	4.2	Hàm huỷ bỏ	70
	4	.2.1Chức năng của hàm huỷ bỏ	70
	4	.2.2Một số qui định đối với hàm huỷ bỏ	71
	4.3 chiề	Sự cần thiết của các hàm thiết lập và huỷ bỏ -lớp vector trong không g	ian n 72
	4.4	Hàm thiết lập sao chép (COPY CONSTRUCTOR)	75
	4	.4.1Các tình huống sử dụng hàm thiết lập sao chép	75
	4	.4.2Hàm thiết lập sao chép ngầm định	76
	4	.4.3Khai báo và định nghĩa hàm thiết lập sao chép tường minh	76
	4	.4.4Hàm thiết lập sao chép cho lớp vector	79
5.	C	Các thành phần tĩnh (static)	83
	5.1	Thành phần dữ liệu static	83
	5.2	Khởi tạo các thành phần dữ liệu tĩnh	84
	5.3	Các hàm thành phần static	86
6.	£	Dối tượng hằng (CONSTANT)	89
	6.1	Đối tượng hằng	89
	6.2	Hàm thành phần <i>const</i>	89
7.	F	Hàm bạn và lớp bạn	89
	7.1	Đặt vấn đề	89
	7.2	Hàm tự do bạn của một lớp	90
	7.3	Các kiểu bạn bè khác	92
	7	.3.1Hàm thành phần của lớp là bạn của lớp khác	92
	7	.3.2Hàm bạn của nhiều lớp	93
	7	.3.3Tất cả các hàm của lớp là bạn của lớp khác	94
	7.4	Bài toán nhân ma trận với vector	95
	G	Giải pháp thứ nhất - prod là hàm bạn tự do	95
	G	giải pháp thứ hai- prod là hàm thành phần của lớp matrix và là ban của ve	ct97

8.	T.	í du tổng hợp	08
		óm tắt	
9.			
	9.1	Ghi nhớ	
	9.2	Các lỗi thường gặp	
	9.3	Một số thói quen lập trình tốt	
10		ài tập	105
C		g 4. Định nghĩa toán tử trên lớp	
1.	G	iới thiệu chung	109
2.	V	í dụ trên lớp số phức	110
	2.1	Hàm toán tử là hàm thành phần	110
	2.2	Hàm toán tử là hàm bạn	112
3.	K	hả năng và giới hạn của định nghĩa chồng toán tử	122
	Phần	lớn toán tử trong C++ đều có thể định nghĩa chồng	122
	Trườ	ng hợp các toán tử ++ và	123
	Lựa	chọn giữa hàm thành phần và hàm bạn	124
4.	C	hiến lược sử dụng hàm toán tử	124
	Các	phép toán một ngôi	124
	Các	phép toán hai ngôi	124
	Các	phép gán	124
		tử truy nhập thành phần "->"	
		tử truy nhập thành phần theo chỉ số	
		tử gọi hàm	
5.		Iột số ví dụ tiêu biểu	
	5.1	Đinh nghĩa chồng phép gán "="	
		Định nghĩa chồng phép "[]"	
	5.3	Định nghĩa chồng << và >>	
	5.4	Định nghĩa chồng các toán tử <i>new</i> và <i>delete</i>	
	5.5	Phép nhân ma trận véc tơ	
6.		huyển đổi kiểu	
υ.	6.1		
		Hàm toán tử chuyển kiểu ép buộc	
	ο.	1.1 Hàm toán tử chuyển kiểu trong lời gọi hàm	145

	6.1	.2 Hàm toán tử chuyển kiểu trong biểu thức	147
	6.2	Hàm toán tử chuyển đổi kiểu cơ sở sang kiểu lớp	148
	6.2	2.1 Hàm thiết lập trong các chuyển đổi kiểu liên tiếp	150
	6.2	2.2 Lựa chọn giữa hàm thiết lập và phép toán gán	150
	6.2	2.3 Sử dụng hàm thiết lập để mở rộng ý nghĩa một phép toán	152
	6.3	Chuyển đổi kiểu từ lớp này sang một lớp khác	154
	6.3	.1 Hàm toán tử chuyển kiểu bắt buộc	154
	6.3	3.2 Hàm thiết lập dùng làm hàm toán tử	156
7.	Tớ	m tắt	157
	7.1	Ghi nhớ	157
	7.2	Các lỗi thường gặp	158
	7.3	Một số thói quen lập trình tốt	158
8.	Bà	ıi tập	158

Chương 5. Kỹ thuật thừa kế

1. Giới thiệu chung	161
2. Đơn thừa kế	165
2.1 Ví dụ minh hoạ	165
2.2 Truy nhập các thành phần của lớp cơ sở từ lớp dẫn xuất	167
2.3 Định nghĩa lại các thành phần của lớp cơ sở trong lớp dẫn xuất	168
2.4 Tính thừa kế trong lớp dẫn xuất	168
2.4.1 Sự tương thích của đối tượng thuộc lớp dẫn xuất với đối tượn cơ sở 168	g thuộc lớp
2.4.2 Tương thích giữa con trỏ lớp dẫn xuất và con trỏ lớp cơ sở	170
2.4.3 Tương thích giữa tham chiếu lớp dẫn xuất và tham chiếu lớp	cơ sở 172
2.5 Hàm thiết lập trong lớp dẫn xuất	174
2.5.1 Hàm thiết lập trong lớp	174
2.5.2 Phân cấp lời gọi	176
2.5.3 Hàm thiết lập sao chép	177
2.6 Các kiểu dẫn xuất khác nhau	181
2.6.1 Dẫn xuất public	182
2.6.2 Dẫn xuất private	182
2.6.3 Dẫn xuất protected	182
Bảng tổng kết các kiểu dẫn xuất	182
3. Hàm ảo và tính đa hình	183
3.1 Đặt vấn đề	183
3.2 Tổng quát về hàm ảo	190
3.2.1 Phạm vi của khai báo virtual	190
3.2.2 Không nhất thiết phải định nghĩa lại hàm virtual	194
3.2.3 Định nghĩa chồng hàm ảo	197
3.2.4 Khai báo hàm ảo ở một lớp bất kỳ trong sơ đồ thừa kế	197
3.2.5 Hàm huỷ bỏ ảo	201
3.3 Lớp trừu tượng và hàm ảo thuần tuý	204
4. Đa thừa kế	
4.1 Đặt vấn đề	205

	4.2	Lớp cơ sở ảo	210
	4.3	Hàm thiết lập và huỷ bỏ - với lớp ảo	213
	4.4	Danh sách móc nối các đối tượng	219
	Xâ	y dựng lớp trừu tượng	219
	4.5	Tạo danh sách móc nối không đồng nhất	227
5.	Tá	óm tắt	231
	5.1	Ghi nhớ	231
	5.2	Các lỗi thường gặp	232
	5.3	Một số thói quen lập trình tốt	232
6.	Bà	ìi tập	232
C	hương	g 6. Khuôn hình	
1.	Kl	huôn hình hàm	233
	1.1	Khuôn hình hàm là gì?	233
	1.2	Tạo một khuôn hình hàm	233
	1.3	Sử dụng khuôn hình hàm	234
	1.3	3.1 Khuôn hình hàm cho kiểu dữ liệu cơ sở	234
	1.3	3.2 Khuôn hình hàm min cho kiểu char *	235
	1.3	3.3 Khuôn hình hàm min với kiểu dữ liệu lớp	236
	1.4	Các tham số kiểu của khuôn hình hàm	237
	1.4	4.1 Các tham số kiểu trong định nghĩa khuôn hình hàm	237
	1.5	Giải thuật sản sinh một hàm thể hiện	240
	1.6	Khởi tạo các biến có kiểu dữ liệu chuẩn	241
	1.7	Các hạn chế của khuôn hình hàm	241
	1.8	Các tham số biểu thức của một khuôn hình hàm	242
	1.9	Định nghĩa chồng các khuôn hình hàm	244
	1.10	Cụ thể hoá các hàm thể hiện	246
	1.11	Tổng kết về các khuôn hình hàm	247
2.	Kl	huôn hình lớp	247
	2.1	Khuôn hình lớp là gì?	247
	2.2	Tạo một khuôn hình lớp	248

	2.3	Sử dụng khuôn hình lớp	249
	2.4	Ví dụ sử dụng khuôn hình lớp	250
	2.5	Các tham số trong khuôn hình lớp	251
	2.5	5.1 Số lượng các tham số kiểu trong một khuôn hình lớp	251
	2.:	5.2 Sản sinh một lớp thể hiện	251
	2.6	Các tham số biểu thức trong khuôn hình lớp	252
	2.7	Tổng quát về khuôn hình lớp	254
	2.8	Cụ thể hoá khuôn hình lớp	255
	2.9	Sự giống nhau của các lớp thể hiện	257
	2.10	Các lớp thể hiện và các khai báo bạn bè	258
	2.	10.1 Khai báo các lớp bạn hoặc các hàm bạn thông thường	258
	2. lớ	10.2 Khai báo bạn bè của một thể hiện của khuôn hình hàm, kh p 258	nuôn hình
	2.	10.3 Khai báo bạn bè của khuôn hình hàm, khuôn hình lớp	259
	2.11	Ví dụ về lớp bảng có hai chỉ số	259
3.	Te	óm tắt	263
	3.1	Ghi nhớ	263
4.	В	ài tập	263
Pł	ıụ lục	1. Các kênh xuất nhập	
1.	G	iới thiệu chung	265
	1.1	Khái niệm về kênh	265
	1.2	Thư viện các lớp vào ra	265
2.	L	ớp ostream	266
	2.1	Định nghĩa chồng toán tử << trong lớp ostream	266
	2.2	Hàm put	266
	2.3	Hàm write	267
	2.4	Khả năng định dạng	267
	2.4	4.1 Chọn cơ số thể hiện	267
	2.4	4.2 Đặt độ rộng	268
3.	L	ớp istream	270

3.	.1 Đ	ịnh nghĩa chồng toán tử ">>" trong lớp istream	. 270
3.	.2 Н	âm thành phần get	271
3.	.3 C	ác hàm thành phần getline và gcount	272
3.	.4 H	àm thành phần read	. 272
3.	.5 M	Iột số hàm khác	. 273
4.	Trạn	g thái lỗi của kênh nhập	. 273
4	.1 C	ác cờ lỗi	. 273
4	.2 C	ác thao tác trên các bit lỗi	. 274
	4.2.1	Đọc giá trị	. 274
	4.2.2	Thay đổi trạng thái lỗi	274
4	.3 Đ	ịnh nghĩa các toán tử () và !	. 274
5.	Quải	n lý định dạng	. 275
5.	.1 Ti	rạng thái định dạng của một dòng	. 275
5.	.2 Ti	ừ trạng thái định dạng	276
5.	.3 T	hao tác trên trạng thái định dạng	. 277
	5.3.1	Các toán tử thao tác định dạng không tham số (TTĐDKTS)	. 278
	5.3.2	Các toán tử định dạng có tham số(TTĐDCTS)	. 278
	5.3.3	Các hàm thành phần	279
6.	Liên	kết kênh xuất/nhập với một tập tin	280
6	.1 L	iên kết xuất với một tập tin	280
6	.2 L	iên kết kênh nhập với một tập tin	. 282
6	.3 C	ác khả năng truy nhập trực tiếp	. 283
6	.4 C	ác chế độ mở tập tin khác nhau	286
Phụ	lục 2.	Xử lý lỗi	
1.	Bẫy	và bắt lỗi	287
2.	Hoạt	động của chương trình khi một lỗi phát sinh	. 290
3.	Xử l	ý lỗi trong lớp ứng dụng	. 293
Phụ	lục 3.	Bài toán quan hệ gia đình	

Phụ lục 4. Mã nguồn bài toán quan hệ gia đình